

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 7 - 2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Hoàng Văn Ngọc

2. Bà Lại Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15/7/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D - sinh năm 1991.

ĐKKHKT: Xóm A, thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh H; Đăng ký tạm trú: Tổ A, Khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ- sinh năm 1989.

ĐKKHKT: Xóm A, thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh H; Đăng ký tạm trú: Tổ A, Khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân Đ vào ngày 19/11/2009, được đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thị xã K, tỉnh H trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại xã L, thị xã K, tỉnh H cho đến năm 2020 anh chị tạm trú tại Khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q để làm ăn. Đầu năm 2022, do bất đồng với nhau về quan điểm sống, nên chị và anh Đ đã không còn chia sẻ, có trách nhiệm với nhau. Cuối năm 2022 anh chị đã tự sống ly thân, mặc dù gia đình đôi bên đã có sự động viên, khuyên bảo. Tháng

6/2023, chị D gửi đơn xin ly hôn anh Đ tại TAND thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 28/9/2023, TAND thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho TAND thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 08/3/2024, TAND thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết, chị D vẫn xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể giải quyết được, nên chị giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Anh Nguyễn Xuân Đ trình bày: Anh kết hôn cùng chị Nguyễn Thị D vào ngày 19/11/2009 trên tinh thần tự nguyện và được đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại xã L, thị xã K, tỉnh H cho đến năm 2019 vợ chồng thuê nhà sang M, thị xã Đ ở, nhưng hộ khẩu thường trú của anh chị vẫn ở xã L, K, H. Cho đến nay anh vẫn đi về tại xã L, K, H. Trong quá trình chung sống, anh và chị D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đôi bên không cùng quan điểm sống, nên chị D đã đề nghị TAND thị xã Đông Triều giải quyết việc ly hôn. Do mong muốn chị D suy nghĩ lại vì con cái nên anh đã không có mặt tại TAND thị xã Đông Triều. Nay chị D đề nghị TAND thị xã Kinh Môn giải quyết việc ly hôn, anh vẫn mong chị D suy nghĩ lại để giữ gìn cuộc sống ổn định cho các con. Còn nếu chị D giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, thì anh cũng không yêu cầu TAND thị xã Kinh Môn tiến hành hòa giải, anh đề nghị Tòa án thị xã Kinh Môn giải quyết việc ly hôn vắng mặt anh theo quy định.

Về con chung: Chị D, anh Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 29/6/2010 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 30/10/2011, hiện hai cháu đang ở với chị D. Nay ly hôn, chị D đề nghị xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của các cháu, nếu các cháu ở với anh thì anh nuôi cả các cháu và việc cấp dưỡng tùy theo chị D, anh không yêu cầu. Còn nếu các cháu ở với chị D thì anh cũng sẽ có trách nhiệm với các cháu theo lương tâm của anh. Chị D không được ngăn cấm quyền thăm nom con của anh đối với các con.

Cháu Nguyễn Thế H và cháu Nguyễn Thị Như Q đều có nguyện vọng xin được ở cùng chị D.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị D và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q xác định: Anh Đ có đăng ký tạm trú tại địa phương, nhưng hiện không cư trú, sinh hoạt tại địa phương, anh Đ đi đâu, làm gì địa phương không nắm được.

Xác minh tại thôn N, xã L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xác định: Anh Đ có hộ khẩu thường trú tại địa phương, hiện anh Đ vẫn đi về nhà tại thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh H.

Tại phiên tòa, chị D giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh Đ vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Xuân Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 29/6/2010 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 30/10/2011 cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con chung kể từ khi ly hôn đến khi cháu H, cháu Q trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị D về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, riêng, công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D đối với anh Nguyễn Xuân Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện vẫn đi về tại thôn N, xã L, thị xã K, tỉnh H. Quá trình Tòa án hòa giải và đưa vụ án ra xét xử anh Nguyễn Xuân Đ đều vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết theo thẩm quyền và xét xử vắng mặt anh Nguyễn Xuân Đ là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D kết hôn với anh Nguyễn Xuân Đ trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị D đề nghị xin ly hôn anh Đ, chủ yếu là do đôi bên có sự bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu sự chia sẻ và trách nhiệm đối với nhau, nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Quá trình Tòa án giải quyết chị D vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, anh Đ không có mặt và không có ý thức hòa giải cùng chị D. Điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục

đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị D và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 29/6/2010 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 30/10/2011. Xét đề nghị nuôi dưỡng con chung của các bên và nguyện vọng nuôi dưỡng con của các cháu là phù hợp. Nên cần chấp nhận giao cháu H và cháu Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu, nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị D và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị D phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Thế H, sinh ngày 29/6/2010 và cháu Nguyễn Thị Như Q, sinh ngày 30/10/2011 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H, Q đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Không đặt ra việc giải quyết trong vụ án.

Sau này nếu các bên đương sự có đơn yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung, số

nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0009963 ngày 09/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Chị D đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã L, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền